

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 39

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 và các sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Vinh Quang - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 2020.02/UQ-HĐQT ngày 1 tháng 5 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 11852560/2022-SX-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samah Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.255.980.200.702	1.225.314.695.236
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	28.192.271.835	25.366.907.371
111	1. Tiền		28.192.271.835	7.366.907.371
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	18.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		989.442.424.714	1.037.630.913.242
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	989.442.424.714	1.037.630.913.242
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		237.287.596.252	161.983.240.946
131	1. Phải thu khách hàng		-	4.748.973.893
132	2. Trả trước cho người bán		100.845.060	71.527.500
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	8.567.631.403	100.822.393.130
135	4. Các khoản phải thu khác	6.2	228.619.119.789	56.340.346.423
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.057.907.901	333.633.677
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	193.085.890	32.324.800
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	864.822.011	301.308.877
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.690.775.621.056	1.806.915.953.616
220	I. Tài sản cố định	8	53.275.076	27.209.537
221	1. Tài sản cố định hữu hình		53.275.076	27.209.537
222	- Nguyên giá		64.357.000	30.797.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.081.924)	(3.587.463)
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		3.689.911.481.027	1.806.401.786.175
258	1. Đầu tư dài hạn khác	9	3.689.911.481.027	1.806.401.786.175
260	III. Tài sản dài hạn khác		810.864.953	486.957.904
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	259.166.640	336.117.834
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	473.800.113	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	77.898.200	150.840.070
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.946.755.821.758	3.032.230.648.852

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.639.079.840.657	2.764.625.287.044
310	I. Nợ ngắn hạn		4.639.079.840.657	2.764.625.287.044
311	1. Vay ngắn hạn	12	663.302.000.000	707.510.000.000
312	2. Phải trả người bán	13	23.108.727.187	88.641.574.326
313	3. Người mua trả tiền trước		858.280.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.670.641.337	25.375.087.830
315	5. Phải trả người lao động		-	6.008.875.486
316	6. Chi phí phải trả		320.845.637	208.016.177
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	3.946.190.952.192	1.936.253.338.921
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		628.394.304	628.394.304
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		307.675.981.101	267.605.361.808
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	16.2	157.974.946.256	120.308.382.392
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17	21.189.252.223	18.785.196.794
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.946.755.821.758	3.032.230.648.852

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		-	22.400.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		-	22.400.000.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		63.934.933.543	55.176.003.611
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	27	63.934.933.543	55.176.003.611
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		3.215.192.876.693	2.315.538.961.715
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	28	3.215.192.876.693	2.315.538.961.715
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	29	78.796.173.497	28.037.792.313
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	30	11.262.947.678	75.097.377.891

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
01	1. Doanh thu		13.936.630.155	14.578.700.837
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	13.936.630.155	14.578.700.837
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	19	(5.667.022.571)	(9.053.125.789)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		8.269.607.584	5.525.575.048
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	165.622.395.755	41.983.792.553
22	6. Chi phí tài chính	21	(121.574.378.252)	(9.405.386.798)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(2.449.369.282)	(2.001.271.353)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.868.255.805	36.102.709.450
32	9. Chi phí khác	23	(125.006.691)	(60.000.000)
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.743.249.114	36.042.709.450
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(10.426.429.934)	(7.220.541.890)
52	12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.3	473.800.113	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		39.790.619.293	28.822.167.560
	Trong đó:			
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ		37.666.563.864	27.607.138.514
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát		2.124.055.429	1.215.029.046
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	3.013	2.209



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		49.743.249.114	36.042.709.450
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao TSCĐ	8	7.494.461	-
05	2. Lãi từ hoạt động đầu tư		(164.387.961.438)	(41.983.792.553)
06	3. Chi phí lãi vay		20.101.110.646	8.982.651.196
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		(94.536.107.217)	3.041.568.093
09	1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(6.707.638.614)	2.430.095.097
11	2. Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.957.822.095.177	188.116.221.440
12	3. (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(83.809.896)	7.151.637
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(20.101.110.646)	(5.488.384.755)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(28.109.277.749)	(2.717.550.796)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.808.284.151.055	185.389.100.716
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(33.560.000)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.070.017.893.151)	(290.210.550.445)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		2.283.322.777.713	9.536.630.228
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(99.741.455.200)	(8.626.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.229.122.049	37.001.085.800
27	6. Lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia		74.710.221.998	9.075.829.591
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.761.530.786.591)	(243.223.004.826)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		280.000.000	-
33	2. Tiền vay nhận được	12	1.136.502.000.000	682.853.500.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	12	(1.180.710.000.000)	(570.643.500.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(6.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(43.928.000.000)	105.960.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.825.364.464	48.126.095.890
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	25.366.907.371	4.928.779.888
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	28.192.271.835	53.054.875.778

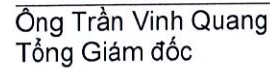


Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng




Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.2	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	16.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	16.2	8.466.435.508	120.308.382.392	27.607.138.514	(6.503.307.225)	37.666.563.864	-	29.570.266.797	157.974.946.256
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17	15.574.842.090	18.785.196.794	1.215.029.046	-	2.404.055.429	-	16.789.871.136	21.189.252.223
TỔNG CỘNG		152.553.060.220	267.605.361.808	28.822.167.560	(6.503.307.225)	40.070.619.293	-	174.871.920.555	307.675.981.101



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng




Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc


Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 và các sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty có công ty con là Công ty cổ phần Finsight với tỷ lệ sở hữu là 91,37% (tương đương giá trị 164.800.000.000 đồng vốn góp).

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 17 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 18 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Nhóm Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114").

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114. Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Chứng khoán và đầu tư vào công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
------------------	-------

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Lợi ích của nhân viên

3.9.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ này là 17%). Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.9.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021. Nhóm Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.9.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán sáu tháng mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền mặt	27.653.212	70.018.057
Tiền gửi không kì hạn	28.164.618.623	7.296.889.314
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	-	18.000.000.000
	28.192.271.835	25.366.907.371

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Chứng chỉ quỹ niêm yết	-	24.786.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	-	24.786.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	119.069.749.320	24.957.658.434
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	36.736.781.320	24.957.658.434
Công ty cổ phần Đầu tư 315	32.000.000.000	-
Công ty cổ phần Giải trí và giáo dục Galaxy	29.632.968.000	-
Công ty cổ phần Galaxy Education	20.700.000.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết (i)	584.859.715.001	924.352.826.571
Chứng chỉ tiền gửi (ii)	165.512.960.393	62.791.428.237
Hợp đồng cho vay (iii)	120.000.000.000	-
Hợp đồng tiền gửi	-	743.000.000
	989.442.424.714	1.037.630.913.242

(i) Bao gồm trong khoản mục này là trái phiếu của các tổ chức tín dụng ("TCTD") và trái phiếu doanh nghiệp. Trong đó, trái phiếu của các TCTD có kỳ hạn 7 năm, lãi suất là 7,225%/năm; trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ trên 1 đến 3 năm, lãi suất từ 9,50%/năm đến 13,00%/năm.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn từ 1 năm đến 5 năm và lãi suất từ 7,80%/năm đến 9,70%/năm.

(iii) Hợp đồng cho vay có thời hạn 1 năm và lãi suất 15,00%/năm.

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam hay Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	8.567.631.403	76.962.756.695
Phải thu phí quản lý quỹ	-	18.490.246.496
Phải thu khác	-	5.369.389.939
	8.567.631.403	100.822.393.130

6.2 Các khoản phải thu khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Lãi dự thu	137.708.776.876	47.144.795.171
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	90.910.342.913	9.195.551.252
	228.619.119.789	56.340.346.423

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phí sửa chữa văn phòng	117.646.345	-
Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	26.228.478	-
Phí bảo hiểm xe	2.118.800	8.475.200
Khác	47.092.267	23.849.600
	193.085.890	32.324.800

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	30.797.000
Mua trong kỳ	33.560.000
Số cuối kỳ	64.357.000
Khấu hao lũy kế	
Số đầu kỳ	3.587.463
Khấu hao trong kỳ	7.494.461
Số cuối kỳ	11.081.924
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	27.209.537
Số cuối kỳ	53.275.076

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.688.838.631.027	1.805.328.936.175
Đầu tư trái phiếu TCTD (i)	2.520.852.864.926	1.497.499.603.742
Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (ii)	384.750.309.850	147.770.524.283
Chứng chỉ tiền gửi (iii)	672.274.389.047	60.058.808.150
Tiền gửi có kỳ hạn (iv)	110.961.067.204	100.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.072.850.000	1.072.850.000
	<u>3.689.911.481.027</u>	<u>1.806.401.786.175</u>

(i) Trái phiếu của TCTD có kỳ hạn từ trên 1 đến 10 năm, lãi suất từ 6,225%/năm đến 8,60%/năm;

(ii) Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ trên 1 đến 3 năm, lãi suất từ 10,00%/năm đến 12,00%/năm;

(iii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn 2 năm và lãi suất từ 7,90%/năm đến 8,20%/năm;

(iv) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn 3 năm và lãi suất từ 6,40%/năm đến 7,20%/năm.

Nhóm Công ty có sử dụng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 300 tỷ đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 250 tỷ đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Công cụ, dụng cụ	152.454.285	276.859.785
Đồng phục nhân viên	62.700.000	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	16.127.166	2.333.328
Khác	27.885.189	56.924.721
	<u>259.166.640</u>	<u>336.117.834</u>

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	61.898.200	61.898.200
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	-	72.941.870
Khác	1.000.000	1.000.000
	<u>77.898.200</u>	<u>150.840.070</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Số tăng trong kỳ VND	Số giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Vay ngân hàng (i)	249.950.000.000	250.000.000.000	(209.950.000.000)	290.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	199.950.000.000	150.000.000.000	(159.950.000.000)	190.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	100.000.000.000	(50.000.000.000)	100.000.000.000
Vay cá nhân (ii)	457.560.000.000	886.502.000.000	(970.760.000.000)	373.302.000.000
	707.510.000.000	1.136.502.000.000	(1.180.710.000.000)	663.302.000.000

(i) Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 5 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 4,75%/năm đến 6,00%/năm. Các khoản vay này đang được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu của Công ty với tổng số tiền là 300.000.000.000 VND.

(ii) Các khoản vay cá nhân ngắn hạn với lãi suất từ 6,32%/năm đến 8,00%/năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i> VND
Phí quản lý người dùng phải trả	22.523.727.187	8.351.426.926
Phí môi giới bán chứng chỉ quỹ	585.000.000	-
Phải trả mua trái phiếu kinh doanh	-	80.290.147.400
	<u>23.108.727.187</u>	<u>88.641.574.326</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2022</i> VND	<i>Số phát sinh trong kỳ</i> VND	<i>Số đã nộp trong kỳ</i> VND	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> VND
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.168.649.286	10.426.429.934	(28.109.277.749)	3.485.801.471
Thuế thu nhập cá nhân	4.195.755.544	8.934.932.303	(11.945.847.981)	1.184.839.866
Thuế GTGT đầu ra	10.683.000	-	(10.683.000)	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	<u>25.375.087.830</u>	<u>19.367.362.237</u>	<u>(40.071.808.730)</u>	<u>4.670.641.337</u>
	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2022</i> VND	<i>Số phát sinh trong kỳ</i> VND	<i>Số đã khấu trừ trong kỳ</i> VND	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> VND
Phải thu				
Thuế GTGT	<u>301.308.877</u>	<u>918.216.664</u>	<u>(354.703.530)</u>	<u>864.822.011</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i> VND
Phải trả khách hàng	3.935.970.274.096	1.931.888.231.499
Lãi dự chi	10.220.678.096	4.355.149.913
Khác	-	9.957.509
	<u>3.946.190.952.192</u>	<u>1.936.253.338.921</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
Trần Vinh Quang	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	125.000.000.000	100,00	125.000.000.000	100,00

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

16.2 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	120.308.382.392	18.785.196.794	267.605.361.808
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	37.666.563.864	2.124.055.429	39.790.619.293
NCI tăng trong kỳ do góp vốn vào Finsight	-	-	-	-	280.000.000	280.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	157.974.946.256	21.189.252.223	307.675.981.101

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Số đầu kỳ	18.785.196.794	15.574.842.090
Tăng trong kỳ	280.000.000	-
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát trong kỳ	2.124.055.429	1.215.029.046
Số cuối kỳ	21.189.252.223	16.789.871.136

18. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Phí quản lý danh mục đầu tư	10.420.105.899	5.046.483.599
Phí quản lý Quỹ	1.510.524.256	9.427.217.238
Doanh thu hoạt động khác	2.006.000.000	105.000.000
	13.936.630.155	14.578.700.837

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí nhân viên	3.007.805.119	7.829.752.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.240.389.923	574.723.333
Phí môi giới cho dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ	650.000.000	-
Chi phí thuê văn phòng	293.941.940	294.270.291
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.209.818	175.862.468
Thuế, phí và lệ phí	25.500.000	3.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.361.629	-
Chi phí bằng tiền khác	317.814.142	175.517.130
	<u>5.667.022.571</u>	<u>9.053.125.789</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Lãi trái phiếu đầu tư	108.801.229.478	6.220.893.014
Lãi từ bán, thanh lý chứng khoán đầu tư	39.923.280.002	22.297.716.028
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.200.000.000	8.680.000.000
Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	5.007.475.316	4.785.183.511
Doanh thu khác	690.410.959	-
	<u>165.622.395.755</u>	<u>41.983.792.553</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư	100.363.311.258	-
Lãi vay cá nhân	13.585.510.098	1.609.590.135
Lãi vay ngân hàng	6.515.600.548	6.318.661.469
Lỗ từ thanh lý chứng khoán đầu tư	969.891.421	-
Chi phí khác	140.064.927	1.477.135.194
	<u>121.574.378.252</u>	<u>9.405.386.798</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.477.098.351	1.305.867.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	622.831.178	349.370.635
Chi phí đồ dùng văn phòng	72.270.025	120.420.601
Thuế, phí và lệ phí	6.730.250	5.456.960
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.132.832	-
Chi phí khác	265.306.646	220.155.638
	2.449.369.282	2.001.271.353

23. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi từ thiện	125.000.000	-
Tiền chậm nộp thuế	6.691	-
Chi phí vi phạm hành chính	-	60.000.000
	125.006.691	60.000.000

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm (2021: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	49.743.249.114	36.042.709.450
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	9.948.649.821	7.208.541.890
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Điều chỉnh tăng doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	473.800.113	-
- Chi phí không được khấu trừ	3.980.000	12.000.000
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính	10.426.429.934	7.220.541.890

24.3 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	473.800.113	-	473.800.113	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			473.800.113	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty	37.666.563.864	27.607.138.514
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.666.563.864	27.607.138.514
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (<i>VND/cổ phiếu</i>)	3.013	2.209

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
			<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Thu nhập phí quản lý danh mục đầu tư	2.088.723.420	2.643.989.307
		Tăng tiền gửi ủy thác	1.241.599.377.035	907.232.767.531
		Giảm tiền gửi ủy thác	(1.232.367.454.313)	(832.722.174.933)
		Chuyển tiền mua chứng khoán	61.632.968.000	-
		Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	104.139.900	145.819.800
		Phí lưu ký	(1.309.500)	(18.416.580)
		Chi trả cổ tức	-	(6.240.000.000)
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	8.238.639.411
		Cổ tức được chia	-	4.800.000.000
		Lãi từ thanh lý	-	12.761.085.800
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	375.553.294	1.188.577.825
		Cổ tức được chia	11.200.000.000	3.880.000.000
		Lỗ từ thanh lý	(969.891.421)	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.134.970.962	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Bên liên quan	Thu nhập phí phát hành chứng chỉ quỹ	2.006.000.000	-
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	666.600.000	666.600.000
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn	140.000.000	-
		Tăng cho vay	438.700.000.000	305.422.000.000
		Giảm cho vay	(693.730.000.000)	(231.742.000.000)
		Chi phí lãi vay	3.077.084.931	746.966.552
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn	140.000.000	-
		Tăng cho vay	143.302.000.000	108.240.000.000
		Giảm cho vay	(265.430.000.000)	(59.260.000.000)
		Chi phí lãi vay	2.129.087.016	719.945.206

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý Đặt cọc phí lưu ký Phải trả phí mua trái phiếu tự doanh	-	55.562.756.695 72.941.870
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	24.786.000.000 18.490.246.496
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vay ngắn hạn Lãi vay phải trả	(1.900.000.000) (93.665.033)	(256.930.000.000) (1.494.056.264)
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vay ngắn hạn Lãi vay phải trả	(52.802.000.000) (142.506.194)	(174.930.000.000) (837.743.936)

27. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</u>
Số đầu kỳ/năm	55.176.003.611	98.650.782.848
Tăng trong kỳ/năm	3.569.507.295.473	6.313.792.102.865
Giảm trong kỳ/năm	(3.560.748.365.541)	(6.357.266.882.102)
Số cuối kỳ/năm	63.934.933.543	55.176.003.611

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	609.095.127.340	389.936.369.783
Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:		
ACB	34.394.299.621	-
BVH	6.814.076.438	-
DPR	14.350.853.746	-
DXG	12.902.101.677	-
DXS	25.233.943.003	-
HCM	13.563.142.468	-
VCB	3.500.002.117	-
VPB	45.810.644.134	-
TCB	66.695.621.478	56.801.534.574
VNM	27.055.102.922	50.498.682.088
PVP	52.293.572.533	46.069.920.000
PLX	15.170.365.610	24.384.932.728
DMC	-	27.037.733
Các loại mã chứng khoán khác	215.278.223.149	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	42.171.707.587	31.479.897.337
Chứng chỉ quỹ niêm yết	322.382.004.680	714.374.355.358
Trong đó, các chứng chỉ quỹ bị suy giảm giá trị:		
FUEMAV30	42.813.299.706	-
FUESSV30	28.864.858.255	28.165.139.404
FUESSV50	27.097.468.924	-
FUESSVFL	59.338.054.042	-
FUEVN100	56.664.269.917	-
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	387.833.981.554	-
Trái phiếu niêm yết	25.848.600.000	25.848.600.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.479.737.552.227	1.143.899.739.237
Chứng chỉ tiền gửi	265.123.903.305	10.000.000.000
Hợp đồng tiền gửi	83.000.000.000	-
	3.215.192.876.693	2.315.538.961.715

29. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi	54.358.714.499	24.809.203.058
Phải thu bán chứng khoán	23.651.156.973	2.181.283.655
Phải thu cổ tức	473.490.000	1.047.305.600
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	312.812.025	-
	78.796.173.497	28.037.792.313

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

30. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	2.617.800.000	14.217.920.000
Phải trả phí quản lí danh mục	8.568.052.339	60.814.791.349
Phải trả phí khác	77.095.339	64.666.542
	11.262.947.678	75.097.377.891

31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Dưới 1 năm	211.799.747	936.637.147
Từ 1 đến 5 năm	-	441.810.250
	211.799.747	1.378.447.397

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

32.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 vì các khoản tiền gửi của Nhóm Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu

32.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

32.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.192.271.835	-	-	-	-	28.192.271.835
Đầu tư ngắn hạn	869.442.424.714	-	120.000.000.000	-	-	989.442.424.714
Đầu tư dài hạn	-	-	741.935.353.005	468.023.263.096	2.479.952.864.926	3.689.911.481.027
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	8.567.631.403	-	-	-	8.567.631.403
Tài sản dài hạn khác	-	77.898.200	-	-	-	77.898.200
Phải thu khác	-	62.013.051.210	166.606.068.579	-	-	228.619.119.789
	897.634.696.549	70.658.580.813	1.028.541.421.584	468.023.263.096	2.479.952.864.926	4.944.810.826.968
Nợ phải trả tài chính						
Người mua trả tiền trước	-	858.280.000	-	-	-	858.280.000
Vay ngắn hạn	-	68.602.000.000	594.700.000.000	-	-	663.302.000.000
Chi phí phải trả	-	320.845.637	-	-	-	320.845.637
Nợ phải trả khác	3.864.101.517.938	24.346.220.676	80.851.940.765	-	-	3.969.299.679.379
	3.864.101.517.938	94.127.346.313	675.551.940.765	-	-	4.633.780.805.016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.366.907.371	18.000.000.000	-	-	-	25.366.907.371
Đầu tư ngắn hạn	1.036.887.913.242	743.000.000	-	-	-	1.037.630.913.242
Đầu tư dài hạn	-	-	-	1.806.401.786.175	-	1.806.401.786.175
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	100.822.393.130	-	-	-	100.822.393.130
Phải thu khác	-	-	61.089.320.316	-	-	61.089.320.316
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	150.840.070	-	150.840.070
	1.044.254.820.613	119.565.393.130	61.089.320.316	1.806.552.626.245	-	3.031.462.160.304
Nợ phải trả tài chính						
Vay ngắn hạn	-	-	707.510.000.000	-	-	707.510.000.000
Chi phí phải trả	-	208.016.177	-	-	-	208.016.177
Nợ phải trả khác	-	-	2.024.894.913.247	-	-	2.024.894.913.247
	-	208.016.177	2.732.404.913.247	-	-	2.732.612.929.424

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.192.271.835	25.366.907.371	28.192.271.835	25.366.907.371
Đầu tư ngắn hạn	989.442.424.714	1.037.630.913.242	989.442.424.714	2.596.932.906.520
Phải thu khác	228.619.119.789	61.089.320.316	228.619.119.789	61.089.320.316
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8.567.631.403	100.822.393.130	8.567.631.403	100.822.393.130
Tài sản dài hạn khác	77.898.200	150.840.070	77.898.200	150.840.070
Đầu tư dài hạn	3.689.911.481.027	1.806.401.786.175	3.689.911.481.027	1.806.401.786.175
	4.944.810.826.968	3.031.462.160.304	4.944.810.826.968	4.590.764.153.582
Nợ phải trả tài chính				
Người mua trả tiền trước	858.280.000	-	858.280.000	-
Vay ngắn hạn	663.302.000.000	707.510.000.000	663.302.000.000	707.510.000.000
Chi phí phải trả	320.845.637	208.016.177	320.845.637	208.016.177
Nợ phải trả khác	3.969.299.679.379	2.024.894.913.247	3.969.299.679.379	2.024.894.913.247
	4.633.780.805.016	2.732.612.929.424	4.633.780.805.016	2.732.612.929.424

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khác, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, tài sản dài hạn khác, đầu tư dài hạn, người mua trả tiền trước, vay ngắn hạn, chi phí phải trả và nợ phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn niêm yết lấy theo giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại ngày giao dịch cuối cùng trong kỳ. Đối với giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn khác vào tổ chức khác và các chứng khoán nợ chưa niêm yết lấy theo giá ghi sổ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022